TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHÍ LINH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ - ST
Ngày: 30 - 8 - 2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Bà Vũ Thị Minh Hằng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Việt - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2017, tại Nhà văn hóa khu dân cư T, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 381/2016/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2016 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2017/QĐXXST- DS ngày 07/8/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2017/QĐST - HNGĐ ngy 22/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu dân cư V, phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương, có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Đào Văn K**, sinh năm 1981

Nơi ĐKHKTT: Khu dân cư V, phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương

Nơi ở hiện nay: Khu dân cư K, phường V, thị xã C, tỉnh Hải Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải, anh chị B và anh K trình bày:

Chị B và anh K kết hôn với nhau ngày 15/12/2003, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V (nay là phường V, thị xã C). Sau

đó, anh chị được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới anh chị về sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh K tại khu dân cư K, phường V, thị xã C được khoảng một năm thì anh chị vào Thành phố H làm ăn đến năm 2008 lại về. Đến tháng 8/2008 chị B đi xuất khẩu lao động tại Cộng hòa S đến tháng 8/2016 thì về. Trong thời gian chị B lao động ở nước ngoài thì anh chị đã xảy ra mâu thuẫn do nghi ngờ nhau sống không chung thủy nên hay cãi nhau qua điện thoại và ít quan tâm, liên lạc với nhau. Sau khi chị B ở nước ngoài về, vợ chồng chung sống được vài ngày thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Anh K nghi ngờ chị B sống không chung thủy và không quan tâm đến chồng con từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh K có đánh chị B. Anh chị sống ly thân nhau từ đầu tháng 10/2016 cho đến nay. Cả hai anh chị đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm đối với nhau không còn, chị B xin ly hôn, anh K đồng ý.

Về con chung: Chị B và anh K đều xác định vợ chồng có 01 con chung là Đào Văn D, sinh ngày 24/8/2005 hiện nay đang ở cùng với anh K. Anh K có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh mỗi tháng là 1.000.000 đồng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, chị B đồng ý.

Về tài sản chung: Chị B và anh K khai thống nhất vợ chồng có 01 chiếc xe môtô nhãn hiệu HonDa, loại xe SH, biển kiểm soát 34B3 - 093.66, đăng ký mang tên anh K, trị giá 50.000.000 đồng, chiếc xe hiện nay đang do chị B quản lý, sử dụng. Khi ly hôn chị B có nguyện vọng được sở hữu chiếc xe trên và sẽ có trách nhiệm thanh toán trả anh K ½ giá trị chiếc xe là 25.000.000 đồng, anh K đồng ý.

Anh K còn khai, ngoài chiếc xe môtô trên vợ chồng còn có tài sản chung là khoản tiền thu nhập do chị B lao động tại Cộng hòa S thời điểm từ tháng 8/2008 đến 8/2016 mà có. Theo anh thì trong thời gian lao động ở Cộng hòa S tổng số tiền chị B thu nhập được khoảng 1 tỷ đồng, chị B chỉ gửi về cho anh 2.000 đô la, tương ứng với 40.000.000 đồng tiền Việt Nam vào cuối năm 2008 để anh K trả nợ cho bà Nguyễn Thị C là cô ruột chị B đối với khoản vay để làm thủ tục cho chị B đi xuất khẩu lao động. Ngoài ra, chị B không gửi tiền về cho anh một lần nào khác. Nay anh yêu cầu chị B phải chia cho anh số tiền 200.000.000 đồng.

Chị B thừa nhận thời gian chị lao động tại Cộng hòa S là 08 năm. Năm đầu tiên, chị làm giúp việc gia đình tổng thu nhập được khoảng 60.000.000 đồng, sau đó chị trốn ra ngoài sống bất hợp pháp, làm giúp việc gia đình nhưng không làm cụ thể nhà nào mà ai thuê thì làm theo giờ. Chị chỉ gửi về cho anh K 2.000 đô la tương ứng với 40.000.000 đồng tiền Việt Nam để anh K trả nợ cho bà C thời điểm cuối năm 2008 như lời khai của anh K. Sau đó, do công việc không ổn định, thu nhập chỉ đủ nuôi sống bản thân nên chị không có tiền tích lũy và không gửi về cho anh K. Do đó, chị không chấp nhận yêu cầu của anh K về việc chia số tiền do chị lao động ở Cộng hòa S mà có.

Tại phiên tòa chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và trình bày ý kiến như đã nêu trên. Chị tự nguyện chịu cả chi phí định giá tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 28, Điều 33, Điều 38, Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 81, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, xử cho chị B được ly hôn với anh K.

Về con chung: Giao con chung Đào Văn D, sinh ngày 24/8/2005 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh K mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Vê tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của chị B về việc chia tài sản chung là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH, biển kiểm soát 34B3 – 093.66, trị giá 50.000.000 đồng. Giao chị B được sở hữu chiếc xe, chị B có trách nhiệm trả cho anh K ½ giá trị chiếc xe = 25.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của anh K về việc yêu cầu chị B phải chia cho anh số tiền 200.000.000 đồng là tiền chị B thu nhập trong thời gian lao động ở nước ngoài.

Về chi phí định giá và án phí: Chị B và anh K phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, anh Đào Văn K là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị B và anh K kết hôn ngày 15/12/2013, trên cơ sở tự do, tự nguyện, có đủ các điều kiện kết hôn, có đăng ký ký kết hôn tại UBND xã V (nay là phường V), thị xã C. Do vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh K là hợp pháp. Quá trình chung sống, đến tháng 9/2016 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân cơ bản là do sau khi chị B đi xuất khẩu lao động về, anh chị bất đồng quan điểm sống, anh K nghi ngờ chị B sống không chung thủy, không quan tâm đến chồng con dẫn đến việc vợ chồng đánh cãi nhau. Anh chị sống ly thân từ đầu tháng 10/2016 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau. Chị B và anh K đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ đã hết. Xét hôn nhân giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị B xin ly hôn, anh K đồng ý. Tuy nhiên, anh K vắng mặt tại phiên tòa

nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị B được ly hôn với anh K.

[3] Về con chung: Quá trình chuẩn bị xét xử, chị B và anh K đã thống nhất giao con chung là Đào Văn D cho anh K tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh K mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Việc thỏa thuận của anh chị là phù hợp với tình hình thực tế và nguyện vọng của con chung đã trên 07 tuổi. Do anh K vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu D cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng và buộc chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh K mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 9/2017 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung:

Chiếc xe môtô nhãn hiệu HonDa, loại xe SH, biển kiểm soát 34B3 - 093.66 là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân. Chị B và anh K đều thừa nhận là tài sản chung của vợ chồng nên xác định chiếc xe trên là tài sản chung của chị B và anh K.

Chị B và anh K đều khai thống nhất, trong thời gian chị B lao đồng tại Cộng hòa S, chị B chỉ gửi về cho anh K 2.000 đô la, tương ứng với 40.000.000 đồng tiền Việt Nam, anh K đã dùng số tiền này để trả nợ tiền vay làm thủ tục cho chị B đi xuất khẩu lao động. Anh K cho rằng trong thời gian lao động ở Cộng hòa Síp, chị B có tổng thu nhập khoảng 1 tỷ đồng, sau khi trừ đi số tiền chị B đã gửi cho anh để trả nợ nêu trên, số tiền còn lại chị B đang quản lý, anh yêu cầu chị B phải chia cho anh 2.000.000 đồng, nhưng chị B không thừa nhận có khoản tiền này và không chấp nhận yêu cầu này của anh K. Ngoài lời khai, anh K và chị B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho việc xuất khẩu lao động và thu nhập của chị B trong thời gian lao động ở Cộng hòa S nên không có căn cứ để xác định tài sản chung của vợ chồng là khoản tiền do chị B lao động ở Cộng hòa S mà có hiện chị B đang quản lý như lời khai của anh K.

Về việc phân chia tài sản:

Thực tế chị B đang quản lý sử dụng chiếc xe môtô nhãn hiệu HonDa, loại xe HS, biển kiểm soát 34B3 – 093.66, nên giao chiếc xe trên cho chị B sở hữu, chị B có trách nhiệm chia trả cho anh K ½ giá trị chiếc xe là phù hợp với quan điểm của anh chị trong quá trình chuẩn bị xét xử.

Do không có căn cứ xác định hiện chị B đang quản lý số tiền là tài sản chung của vợ chồng do chị B lao động ở nước ngoài mà có nên không chấp nhận yêu cầu của anh K về việc buộc chị B phải chia cho anh số tiền 200.0000.000 đồng.

Về chi phí định giá tài sản: Chị B đã nộp 600.000 đồng tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản, số tiền này Tòa án đã chi hết, tại phiên tòa chị B tự nguyện chịu cả chi phí định giá, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị B là nguyên đơn, có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và được chia một phần tài sản chung nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và án phí về chia tài sản; anh K được chia một phần tài sản nên phải chịu án phí về chia tài sản theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 29, Điều 33, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Đào Văn K.

- Về con chung: Giao con chung Đào Văn D, sinh ngày 24/8/2005 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh K mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 9/2017 cho đến khi con chung trưởng thành, tròn 18 tuổi.

Chị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Giao cho chị B sở hữu chiếc xe môtô nhãn hiệu HonDa, loại xe SH, biển kiểm soát 34B3 - 093.66 trị giá 50.000.000 đồng. Chị B có trách nhiệm thanh toán cho anh K ½ giá trị chiếc xe là 25.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của anh K về việc buộc chị B phải chia cho anh số tiền 200.000.000 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày anh K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị B không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, 200.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và 1.250.000 đồng án phí chia tài sản, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp là 1.200.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AB/2014/0003042 ngày 06/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Chị B còn phải nộp 550.000 đồng án phí. Anh Đào Văn K phải nộp 1.250.000 đồng án phí chia tài sản, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh K đã nộp là 14.950.000 đồng theo biên lay thu tạm ứng án phí số AB/2014/0003061 ngày 13/4/2017 của

Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Trả lại anh K 13.700.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K có quyền kháng cáo bản án trọng hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Chí Linh;
- Chi cục THADS thị xã Chí Linh;
- UBND phường V, thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm